

Số: 1749/QĐ-UBND

Đông Thụy Anh, ngày 05 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng
thực hiện dự án: Khu công nghiệp VSIP Thái Bình (Giai đoạn 2)
(Đất giao thông, thủy lợi - lần 4)
Địa chỉ: Xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THỤY ANH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số: 87/2025/QH-15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-TTg ngày 29/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp VSIP Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-BQLKKT ngày 22/5/2024 của Ban quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu công nghiệp VSIP Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 03/4/2025 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của UBND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ hồ sơ Phương án số 62/PA-TTPTQĐ2 ngày 19/8/2026 về bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất giao thông, thủy lợi (đợt 4) và điều chỉnh bổ sung phương án đợt 1, Dự án Khu công nghiệp VSIP Thái Bình (Giai đoạn 2) do Trung tâm phát triển Quỹ đất số 02 (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên) lập;

Căn cứ Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 29/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đông Thụy Anh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất giao thông, thủy lợi (đợt 4) và điều chỉnh bổ sung phương án đợt 1; Dự án Khu công nghiệp VSIP Thái Bình (Giai đoạn 2); Địa điểm: Xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 118/TTr-KT ngày 03/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổng diện tích đất thu hồi 52.822,9 m² (Năm mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi hai phẩy chín mét vuông), đất giao thông, thủy lợi, năng lượng và chuyên trồng lúa nước do Ủy ban nhân dân xã Đông Thụy Anh quản lý trong đó: Đất giao thông (DGT): 19.877,9 m²; đất thủy lợi (DTL): 29.595,9 m²; đất năng lượng (DNL): 413,0 m²; đất chuyên trồng lúa nước (LUC): 2.936,1 m² thuộc địa giới hành chính của xã Đông Thụy Anh:

Tổng số hộ gia đình, cá nhân, đơn vị có đất thu hồi: 01 đơn vị (UBND xã).

Lý do thu hồi đất: Thu hồi đất theo khoản 22, khoản 31, Điều 79 của Luật Đất đai để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu công nghiệp VSIP Thái Bình.

Vị trí, kích thước khu đất thu hồi được xác định theo các Tờ trích đo địa chính: Tờ TĐ-04/2024 Tỷ lệ 1/2000 do Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và xây dựng Nguyên Trường lập ngày 02/01/2024 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) duyệt ngày 06/02/2024; Tờ TĐ-06/2024 Tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và xây dựng Nguyên Trường lập ngày 05/01/2024 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) duyệt ngày 06/02/2024; Tờ TĐ-08/2024 Tỷ lệ 1/2000 do Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và xây dựng Nguyên Trường lập ngày 20/02/2024 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) duyệt ngày 28/02/2024; Tờ TĐ-10/2024 Tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và xây dựng Nguyên Trường lập

ngày 20/02/2024 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) duyệt ngày 04/03/2024; Tờ TL32/2024 Tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và xây dựng Nguyên Trường lập ngày 01/10/2024 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) duyệt ngày 21/10/2024.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Văn phòng HĐND-UBND xã Đông Thụy Anh có trách nhiệm giao và thông báo Quyết định này cho các hộ gia đình, cá nhân theo danh sách kèm theo tại điều 1; niêm yết Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đông Thụy Anh và tại nhà văn hóa các thôn Đông Thụy Tân, Tây Thụy Tân đồng thời đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của xã.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên có trách nhiệm quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân (nếu có) chuyển cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai số 11 để thực hiện việc chỉnh lý, thu hồi giấy chứng nhận đã cấp theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cơ quan, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KT.

CHỦ TỊCH



Trần Tuấn Kiệt

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI
DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP VSIP THÁI BÌNH
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH VSIP THÁI BÌNH (GIAI ĐOẠN 2)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐÔNG THỤY ANH, TỈNH HƯNG YÊN
(ĐẤT GIAO THÔNG, THỦY LỢI - LẦN 4)

Các tờ trích đo địa chính khu đất: TĐ4-2024 Tỷ lệ 1/2000; TĐ6-2024 Tỷ lệ 1/1000; Tờ TĐ: 08-2024 Tỷ lệ 1/2000; Tờ TĐ10-2024 Tỷ lệ 1/1000; Tờ TL32-2024 Tỷ lệ 1/1000

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 05/9/2026 của UBND xã Đông Thụy Anh)

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ TL, TĐ	Loại đất theo nguồn gốc đất	Theo Trích đo địa chính		Diện tích thu hồi (m ²)	Trong đó (m ²)				Diện tích còn lại (m ²)	Ghi chú
						Loại đất	Diện tích tổng thửa (m2)		DGT	DTL	DNL	LUC		
1	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4015	TĐ-04/2024	DTL	DTL	2.099,2	2.099,2		2.099,2			0,0	
2	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	404	TĐ-08/2024	LUC	LUC	744,2	744,2				744,2	0,0	
3	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	406	TĐ-08/2024	LUC	LUC	2.191,9	2.191,9				2.191,9	0,0	
4	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	422	TĐ-08/2024	DTL	DTL	632,1	492,4		492,4			139,7	
5	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	35	TĐ -10/2024	DNL	DNL	413,0	413,0			413,0		0,0	
6	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3001	TĐ -10/2024	DGT	DGT	6.674,2	6.464,6	6.464,6				209,6	
7	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3004	TĐ -10/2024	DGT	DGT	365,2	365,2	365,2				0,0	
8	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3005	TĐ -10/2024	DGT	DGT	855,4	855,4	855,4				0,0	
9	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3007	TĐ -10/2024	DGT	DGT	462,6	462,6	462,6				0,0	
10	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3008	TĐ -10/2024	DGT	DGT	312,9	312,9	312,9				0,0	
11	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3012	TĐ -10/2024	DGT	DGT	844,5	844,5	844,5				0,0	
12	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3013	TĐ -10/2024	DGT	DGT	87,3	87,3	87,3				0,0	
13	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3014	TĐ -10/2024	DGT	DGT	1.962,6	1.962,6	1.962,6				0,0	
14	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3015	TĐ -10/2024	DGT	DGT	614,6	614,6	614,6				0,0	
15	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3016	TĐ -10/2024	DGT	DGT	840,7	840,7	840,7				0,0	
16	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3018	TĐ -10/2024	DGT	DGT	217,7	191,6	191,6				26,1	

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ TL, TĐ	Loại đất theo nguồn gốc đất	Theo Trích đo địa chính		Diện tích thu hồi (m ²)	Trong đó (m ²)				Diện tích còn lại (m ²)	Ghi chú
						Loại đất	Diện tích tổng thửa (m2)		DGT	DTL	DNL	LUC		
17	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3021	TĐ -10/2024	DGT	DGT	279,0	279,0	279,0				0,0	
18	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4001	TĐ -10/2024	DTL	DTL	27,1	27,1		27,1			0,0	
19	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4002	TĐ -10/2024	DTL	DTL	62,7	62,7		62,7			0,0	
20	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4004	TĐ -10/2024	DTL	DTL	2.086,7	2.086,7		2.086,7			0,0	
21	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4005	TĐ -10/2024	DTL	DTL	7.966,1	7.598,5		7.598,5			367,6	
22	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4007	TĐ -10/2024	DTL	DTL	1.888,1	1.888,1		1.888,1			0,0	
23	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4008	TĐ -10/2024	DTL	DTL	221,6	221,6		221,6			0,0	
24	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4009	TĐ -10/2024	DTL	DTL	139,5	139,5		139,5			0,0	
25	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4010	TĐ -10/2024	DTL	DTL	243,4	243,4		243,4			0,0	
26	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4011	TĐ -10/2024	DTL	DTL	235,5	235,5		235,5			0,0	
27	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4012	TĐ -10/2024	DTL	DTL	208,5	208,5		208,5			0,0	
28	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4013	TĐ -10/2024	DTL	DTL	182,2	182,2		182,2			0,0	
29	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4014	TĐ -10/2024	DTL	DTL	232,0	232,0		232,0			0,0	
30	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4017	TĐ -10/2024	DTL	DTL	3.460,7	3.460,7		3.460,7			0,0	
31	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4018	TĐ -10/2024	DTL	DTL	2.390,9	2.390,9		2.390,9			0,0	
32	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4019	TĐ -10/2024	DTL	DTL	637,4	637,4		637,4			0,0	
33	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4020	TĐ -10/2024	DTL	DTL	1.177,3	1.177,3		1.177,3			0,0	
34	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4021	TĐ -10/2024	DTL	DTL	1.977,2	1.977,2		1.977,2			0,0	
35	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4022	TĐ -10/2024	DTL	DTL	1.662,2	1.662,2		1.662,2			0,0	
36	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3000	TL-32/2024	DGT	DGT	2.581,1	2.482,4	2.482,4				98,7	
37	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3001	TL-32/2024	DGT	DGT	2.666,0	2.650,9	2.650,9				15,1	
38	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3000	TĐ-06/2024	DGT	DGT	115,8	115,8	115,8				0,0	
39	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3001	TĐ-06/2024	DGT	DGT	796,2	796,2	796,2				0,0	
40	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	3002	TĐ-06/2024	DGT	DGT	551,6	551,6	551,6				0,0	
41	UBND xã	Xã Đông Thụy Anh	4000	TĐ-06/2024	DTL	DTL	3.490,3	2.572,8		2.572,8			917,5	
Tổng cộng							54.597,2	52.822,9	19.877,9	29.595,9	413,0	2.936,1	1.774,3	